

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/12/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Phát và bà Lê Thị Đông Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Trương Công H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Vợ chồng bà T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009 ngày 24/4/2009. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nên dần phát sinh khoảng cách. Cảm thấy tình cảm đã phai nhạt, không còn có tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Trước đây, bà T có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau đó suy nghĩ cho cơ hội gia đình đoàn tụ nên đã rút đơn và được Tòa án đình chỉ tại Quyết định đình chỉ vụ án số

22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực M - Đắk Lắk nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không có sự thay đổi mà vẫn lạnh nhạt, không hàn gắn được. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Trương Quang K, sinh ngày 16/5/2013 và Trương Nguyên H, sinh ngày 01/01/2015. Theo nguyện vọng của 02 con chung, nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Nguyên H và đồng ý giao cháu Trương Quang K cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 24/10/2025 và tại phiên toà, bị đơn Trương Công H trình bày: Vợ chồng ông H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009 ngày 24/4/2009. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa 2 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nên dần phát sinh khoảng cách. Vợ chồng đã ly thân 03 năm nhưng vẫn sống chung nhà. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, đồng thời để 02 con có cả cha lẫn mẹ, được phát triển trong điều kiện tốt nhất.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Trương Quang K, sinh ngày 16/5/2013 và Trương Nguyên H, sinh ngày 01/01/2015. Tại phiên hoà giải, ông H yêu cầu được quyền nuôi 02 con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà, ông H trình bày thống nhất theo nguyện vọng của các con và ý kiến của bà T: mỗi người trực tiếp nuôi một người con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn ông Trương Công H giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T xin ly hôn với bị đơn ông Trương Công H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại phường T, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định

phạm quy thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009 ngày 24/4/2009 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Tại phiên hòa giải ngày 24/10/2025 cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Công H thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, giữa 2 bên không còn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng để ly hôn đồng thời muốn các con có cả cha lẫn mẹ để được phát triển tốt nhất nên không đồng ý ly hôn nhưng bị đơn không có phương án hàn gắn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Trước đây, nguyên đơn có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau đó rút đơn và được Tòa án đình chỉ tại Quyết định đình chỉ vụ án số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực M - Đắk Lắk nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không có sự thay đổi mà vẫn lạnh nhạt, không hàn gắn được. Hiện nay, các đương sự tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sự việc đã kéo dài nhiều năm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn ông Trương Công H.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Trương Quang K, sinh ngày 16/5/2013 và Trương Nguyên H, sinh ngày 01/01/2015. Theo nguyện vọng của 02 con chung, giao cháu Trương Nguyên H cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Trương Quang K cho bị đơn ông Trương Công H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với bị đơn ông Trương Công H.

Về con chung: Giao cháu Trương Nguyên H, sinh ngày 01/01/2025 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Trương Quang K, sinh ngày 16/5/2013 cho bị đơn ông Trương Công H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002561 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Nhật